zǔ hé

# 组合

Verb, Noun · make up; compose; constitute

## Example Sentences

zhè shì yí gè zǔ hé
这是一个组合。

This is a combination.

nǐ jué de zhè liǎng zhǒng yán sè zǔ hé qǐ lái huì hǎo kàn ma
你觉得这 两 种 颜色组合起来会好看吗？

Do you think these two colors will look good when combined?

wǒ men zǔ hé zài yì qǐ xué xí
我们组合在一起学习。

We study together as a group.

Trace each character, then write the word on your own.